TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **61/**2017/HSST
Ngày 14 tháng 9 năm 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân*:*

1. Ông Nguyễn Đăng Toản.

2. Ông Trần Mạnh Khang.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Như Hoàng Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện HĐ – Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1981 tại huyện Q O, TP. Hà Nội; HKTT: Thôn P Đ, xã S S, huyện Q O, TP. Hà Nội; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn V D (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện T.T, TP. Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*", chấp hành xong ngày 02/9/2012, đã được xóa án tích; tạm giữ, tạm giam: Hiện bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện MC, tỉnh Hòa Bình theo Lệnh tạm giam của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Hòa Bình.

Có mặt tại phiên toà.

2. **Nguyễn Công T,** sinh năm 1984 tại huyện Q O, TP. Hà Nội; HKTT: Thôn T K, xã S S, huyện Q O, TP. Hà Nội; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/7/2008 bị Tòa án nhân dân

huyện Q O, TP. Hà Nội xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 tháng về tội: "*Chống người thi hành công vụ*"; ngày 26/5/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã ST, TP. Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Tổng hợp hình phạt 22 tháng 02 ngày tù của bản án của Tòa án nhân dân huyện Q O xử năm 2008 là 46 tháng 02 ngày tù. Chấp hành xong ngày 18/3/2014, đã được xóa án tích; tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 14/6/2017 tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội.

Có mặt.

***Người bị hại:**

Anh **Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn X, xã C Q, huyện HĐ, TP. Hà Nội. *Có mặt.*

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ - Thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền chi tiêu nên Nguyễn Văn D, sinh năm 1981 (HKTT: Thôn P Đ, xã S S, huyện Q O, TP. Hà Nội) nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền. Khoảng 01 giờ ngày 20/5/2017, Nguyễn Văn D mang theo 01 (một) kìm cắt sắt bằng kim loại màu đen có hai tay cầm dài khoảng 80cm và một chiếc đèn pin bằng kim loại màu vàng dài khoảng 15cm đi đến thôn P Đ, xã S S, huyện Q O thì gặp Nguyễn Công T, sinh năm 1984 (HKTT: Thôn T K, xã S S, huyện Q O, thành phố Hà Nội). Tại đây, D đã rủ Nguyễn Công T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. T điều khiển xe máy nhãn hiệu Sirius màu đen, BKS: 33N6-0549 của T chở D cầm theo kìm cắt sắt ngồi phía sau. Theo sự chỉ dẫn của D, T điều khiển xe máy đi ra đường 422 sang địa phận xã C Q, huyện HĐ xem có ai sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1990 (ở thôn X, xã C Q, huyện HĐ, TP. Hà Nội), thấy không có ai qua lại, cửa hàng điện thoại không có người, cửa khóa bên ngoài, nên D bảo T dừng xe lại đứng bên ngoài cảnh giới còn D dùng kìm cắt sắt cắt tai khóa phía dưới của cửa xếp sắt của cửa hàng sau đó gọi T vào dùng tay kéo cửa xếp sắt để D chui vào trong. Trước khi D chui vào T đưa cho D chiếc đèn pin bằng nhựa dài khoảng 08cm (loại đèn pin treo trên đầu) mà T mang theo trước đó. D vào trong cửa hàng điện thoại lấy trộm được một hộp nhựa màu trắng bên trong đựng nhiều tờ tiền các mệnh giá khác nhau ở trên mặt bàn sửa chữa điện thoại. Tiếp đó, D dùng đèn pin đem theo đập vỡ tủ kính trong cửa hàng lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu đen viền vàng và rất nhiều thẻ cào điện thoại di động của các mạng di động Mobiphone, Vinaphone và Viettel với

nhiều mệnh giá khác nhau. Sau khi lấy được số tài sản trên, D đi ra phía ngoài cửa gọi T kênh cửa cho D chui ra ngoài rồi cả hai lên xe máy đi về nhà T kiểm kê tài sản trộm cắp được và chia nhau, cụ thể: Về tiền mặt, được tổng số 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng), mỗi người được 2.850.000đ (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó T đưa lại cho D 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền mệnh giá nhỏ (5.000 đồng, 10.000 đồng). Về thẻ điện thoại gồm: 10 thẻ mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), 15 thẻ mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), 08 thẻ mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) và 20 thẻ mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) của các loại mạng vinaphone, Mobiphone và Viettel. T và D cộng tổng số mệnh giá in trên các thẻ được 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng). D và T chia nhau mỗi người được 2.150.000đ (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Còn chiếc điện thoại di động D giữ lại để sử dụng nhưng do bị hỏng không sử dụng được nên D đã vứt bỏ. Sau khi chia tài sản xong thì T chở D cùng về nhà D ở thôn P Đ, xã S S, huyện Q O. Lúc này có chị Nguyễn Thị PH là bạn của D đang chơi ở nhà D. D lấy ra 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) cho chị PH nhưng D không nói về nguồn gốc chiếc thẻ điện thoại cho chị PH biết. Số tiền và thẻ điện thoại còn lại T và D đã chi tiêu và sử dụng hết.

Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Nhật T đến cửa hàng kiểm tra thì phát hiện thấy bị mất tài sản nên đã đến cơ quan công an để trình báo. Quá trình điều tra xác minh, Cơ quan điều tra Công an huyện HĐ đã làm rõ hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn D và Nguyễn Công T như đã nêu trên.

Vật chứng đã thu giữ: 01 xe máy Sirius màu đen, BKS: 33N6-0549, số máy: 5C63-256632, số khung: 5C6309Y256637 của Nguyễn Công T.

Đối với các thẻ điện thoại, D và T khai sau khi cào lớp tráng bạc để nạp tiền xong đã vứt bỏ trên đường, cả D và T đều không nhớ vị trí nên không thu giữ được.

Ngày16/6/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện HĐ có Bản kết luận định giá số 83/KL-ĐGTS như sau: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu đen viền vàng, không phải hàng chính hãng, bên trong không lắp số sim, máy cũ đã qua sử dụng vẫn hoạt động bình thường có giá là 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng); 04 thẻ nạp điện thoại di động Viettel mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) có giá 780.000đ (bảy trăm tám mươi nghìn đồng); 07 thẻ nạp điện thoại di động Viettel mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) có giá 686.000đ (sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng); 03 thẻ nạp điện thoại di động Viettel mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) có giá 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); 07 thẻ nạp điện thoại di động Viettel mệnh giá 20.000đ (hai trăm nghìn đồng) có giá 140.000đ (một trăm bốn

mươi nghìn đồng); 02 thẻ nạp điện thoại di động Vinaphone mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) có giá là 390.000đ (ba trăm chín mươi nghìn đồng); 04 thẻ nạp điện thoại di động Vinaphone mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) có giá 392.000đ (ba trăm chín mươi hai nghìn đồng); 02 thẻ nạp điện thoại di động Vinaphone mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) có giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng); 06 thẻ nạp điện thoại di động Vinaphone mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) có giá 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng); 04 thẻ nạp điện thoại di động Mobiphone mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) có giá 780.000đ (bảy trăm tám mươi nghìn đồng); 04 thẻ nạp điện thoại di động Mobiphone mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) có giá 392.000đ (ba trăm chín mươi hai nghìn đồng); 03 thẻ nạp điện thoại di động Mobiphone mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) có giá 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); 07 thẻ nạp điện thoại di động Mobiphone mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) có giá 140.000đ (một trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng giá trị các tài sản trên là 4.470.000đ (bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Đối với chiếc kìm cộng lực D khai lấy chiếc kìm tại đống cát công trình xây dựng nhà anh Tạ Văn Ngọc. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp xong D lại mang chiếc kìm cắt sắt về để lại chỗ cũ. Cơ quan CSĐT Công an huyện HĐ đã phối hợp với Công an xã S S, huyện Q O đến nhà anh Ngọc để truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với chiếc hộp nhựa đựng tiền, 02 chiếc đèn pin và chiếc điện thoại hỏng không sử dụng được, D khai vứt bỏ trên đường đi không nhớ được vị trí và khu vực nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để truy tìm.

Đối với chiếc xe máy Sirius màu đen, BKS 33N6-0549, số máy 5C63-256632, số khung 5C6309Y256637, T khai xe không có giấy đăng ký là của T mua lại của anh Nguyễn Đình Tùng, sinh năm 1991 (HKTT: Thôn P Đ, xã S S, huyện Q O, thành phố Hà Nội) để sử dụng. Anh Tùng khai khoảng tháng 03/2017 anh Tùng có mua chiếc xe máy trên của người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu, khi mua xe không có giấy đăng ký xe. Sau đó khoảng tháng 4/2017 đã bán lại chiếc xe máy trên cho T.

Cơ quan CSĐT tra cứu BKS 33N6-0549 tại PC 67 Công an thành phố Hà Nội thì có kết quả là xe máy nhãn hiệu Honda Dream II màu nâu, số máy 792424, số khung 792386 chủ xe là anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1973 (HKTT: xã Đ, huyện T.T, thành phố Hà Nội). Quá trình làm việc với chị Khuất Thị L, sinh năm 1975 là vợ anh T, chị L khai nhận khoảng tháng 5/2006 vợ chồng anh chị L mua chiếc xe trên tại cửa hàng xe máy ở khu vực S T, Hà Nội và đăng ký xe mang tên chủ xe là Vũ Ngọc T. Sau đó, đến khoảng cuối năm 2009, chị L bán

lại chiếc xe trên cho một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ tại khu vực S T, Hà Nội. Hiện nay, anh T đi làm ăn xa, gia đình chị L không biết anh T làm gì ở đâu.

Tra cứu số máy 5C63-256632, số khung 5C6309Y256637 tại PC 67 Công an thành phố Hà Nội thì có kết quả là xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng vàng BKS 89K8-5203 chủ xe là chị Trần Thị H, sinh năm 1991 (HKTT: xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên). Chị H cung cấp khoảng tháng 10/2009 chị H mua chiếc xe máy trên tại cửa hàng bán xe máy ở thành phố H. Sau đó, chị H đi đăng ký xe mang tên chủ xe là Trần Thị H. Đến khoảng đầu tháng 7/2012 chị H bán lại chiếc xe máy trên cho một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ tại khu vực tỉnh Hưng Yên. Quá tra cứu xe máy vật chứng đối với hai chiếc xe máy trên tại Công an thành phố Hà Nội thì 02 chiếc xe máy trên không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng nên chuyển theo hồ sơ để tiếp tục xử lý theo pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị PH được Nguyễn Văn D cho 01 chiếc thẻ điện thoại Viettel trị giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) để sử dụng nhưng chị PH không biết nguồn gốc chiếc thẻ trên do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.

Về dân sự: Anh Nguyễn Nhật T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tài sản đã bị mất gồm 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền mặt, toàn bộ số thẻ nạp điện thoại và chiếc điện thoại Vertu; Về các hư hỏng, thiệt hại trong cửa hàng không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội đã truy tố bị Nguyễn Văn D, Nguyễn Công T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự; Điều 20; Điểm p, Khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn D từ 24 đến 30 tháng tù, Nguyễn Công T từ 18 đến 24 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Để lấy tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân, khoảng 01 giờ ngày 20/5/2017, tại cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Nhật T tại thôn X, xã C Q, huyện HĐ, TP. Hà Nội, Nguyễn Văn D cùng Nguyễn Công T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tài sản là: 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 điện thoại Vertu cũ trị giá 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng); 53 thẻ nạp điện thoại Viettel, Vinaphone, Mobiphone với nhiều mệnh giá khác nhau có giá trị là: 4.220.000đ (bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản D và T chiếm đoạt là: 10.170.000đ (mười triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 10.170.000đ (mười triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Tại phiên toà các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo Bản cáo trạng và Lời luận tội của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Công T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có dấu hiệu tổ chức. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau:

Đối với Nguyễn Văn D là người khởi xướng, phạm tội với vai trò tích cực, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội trước khi rủ bị cáo T đi cùng, sau khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn D lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội tại huyện M, tỉnh Hòa Bình. Bị cáo T cùng tham gia trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo D nhưng vai trò thấp hơn bị cáo D. Vì vậy bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo được quy định tại Điểm h, Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình, xét thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Công T đều là đối tượng có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Văn D đã bị Tòa án nhân dân huyện T.T, thành phố Hà Nội xử 36 tháng tù về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*", bị cáo Nguyễn Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện Q O, Hà Nội xử 24 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 44 tháng về tội:

"*Chống người thi hành công vụ*" và bị Tòa án nhân dân thị xã S T, Hà Nội xử 24 tháng tù về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", sau khi chấp hành xong hình phạt các bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, khó cải tạo giáo dục của các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo không có đủ điều để được cải tạo trong môi trường xã hội bình thường, mà cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Công T là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 33 của Bộ luật hình sự buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn là phù hợp.

Để đảm bảo việc thi hành án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Công T 45 ngày *(bốn mươi lăm ngày)* kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là anh Nguyễn Nhật T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là: 10.170.000đ (bao gồm: 5.700.000đ tiền mặt, và bộ số thẻ nạp điện thoại và chiếc điện thoại Vertu có trị giá là 4.470.000đ). Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho anh T số tiền 10.170.000đ (mười triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng của vụ án là 01 chiếc xe máy Sirius màu đen, BKS 33N6 - 0549, là công cụ phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Công T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng: Khoản 1, Điều 138; Điều 20; Điểm p, Khoản 1, Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T** 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 14/6/2017.

***Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng các Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Công T phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Nhật T số tiền 10.170.000đ (mười triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trong đó bị cáo Nguyễn Văn D bồi thường số tiền 5.085.000đ (năm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Công T bồi thường số tiền 5.085.000đ (năm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

***Về xử lý vật chứng**:*

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe máy Sirius màu đen, BKS 33N6 - 0549, số máy 5C63-256632, số khung 5C6309Y256637.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, TP. Hà Nội theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2017 giữa Công an huyện HĐ, TP. Hà Nội và Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, TP. Hà Nội).

***Về án phí**: *Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 254.000.000đ án phí dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 254.000.000đ án phí dân sự.

***Về quyền kháng cáo**: *Căn cứ Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự:*

- Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

Nơi nhận:
- TAND.TP.Hà Nội;
- VKSND huyện HĐ;
- Công an. H.HĐ;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA